

Số: 146/NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 26 tháng 9 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình
đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Kế toán
của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDDHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDDHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Kế toán của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp XII ngày 24/9/2022 của Hội đồng,


QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Kế toán của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương của Đoàn đánh giá ngoài. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức, đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

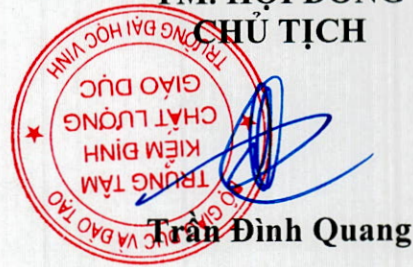
Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ mức 4,0 điểm trở lên là 43 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 86%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu” (chi tiết xem Phụ lục 1).

2. Kiến nghị Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương thực hiện 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết xem Phụ lục 2).



3. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng công nhận và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Kế toán của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương theo quy định hiện hành. 

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



PHỤ LỤC 1

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Kế toán của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương
(Kèm theo Nghị quyết số 146/NQ-HĐKĐCLV ngày 26/9/2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1					Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 1.1	4	3,66	2	66,67	Tiêu chí 7.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2					Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4	4,00	3	100	Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4	4,20	5	100
Tiêu chuẩn 3					Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4	3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 4					Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 4.1	4	3,67	2	66,67	Tiêu chí 9.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	3				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5					Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4	3,80	4	80	Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4	3,83	5	83,33
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	3			
Tiêu chuẩn 6					Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4	3,86	6	85,71	Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4	3,80	4	80
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	3				Tiêu chí 11.4	3			
				Tiêu chí 11.5	4				
Mức trung bình					Số tiêu chí đạt		Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)		
3,88					43		86		



PHỤ LỤC 2

Các biện pháp cải tiến chất lượng giáo dục đối với Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Kế toán của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương

Kèm theo Nghị quyết số 146/NQ-HĐKĐCLV ngày 26/9/2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Kế toán (gọi tắt là CTĐT) của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn đánh giá ngoài đánh giá chất lượng giai đoạn 2017-2021. Kết quả đánh giá ngoài cho thấy, CTĐT có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau:

Mục tiêu của CTĐT rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường, với mục tiêu giáo dục đại học; chuẩn đầu ra của CTĐT được rà soát, cập nhật và ban hành vào các năm 2018, 2019 và 2021; có ma trận liên kết giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT, thể hiện được ý kiến của các bên liên quan và được cải tiến rõ rệt vào năm 2021; bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần được rà soát, ban hành vào các năm 2018, 2019, 2021 và được công bố công khai; chương trình dạy học được thiết kế, tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra; đề cương chi tiết học phần có các nội dung hướng dẫn cho người dạy, người học sử dụng các phương pháp dạy học, phương pháp học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá khác nhau để đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT; có hệ thống văn bản quy định và quy trình đánh giá kết quả học tập, quy định cụ thể về đánh giá kết quả học tập, bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và được công khai hóa, được phổ biến cho sinh viên bằng nhiều hình thức khác nhau; giảng viên sử dụng đa dạng các phương pháp đánh giá với các rubric dùng chung, đảm bảo tính gắn kết giữa các phương pháp với chuẩn đầu ra của học phần với CTĐT; sinh viên phản hồi việc đánh giá kết quả học tập và phúc khảo bài thi tốt; có chiến lược phát triển thu hút tuyển dụng giảng viên trẻ có trình độ cao và năng lực nghiên cứu khoa học; có kế hoạch bồi dưỡng giảng viên với nhiều nội dung đa dạng với các tiêu chí rõ ràng, công khai; có quy định hướng dẫn định mức, quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được xác định rõ ràng, được giám sát, đánh giá và làm căn cứ để xét thi đua, khen thưởng; có quy định tuyển dụng nhân sự, có bản mô tả công việc, có quy định bổ nhiệm, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm nêu tiêu chuẩn đối với vị trí việc làm; năng lực của giảng viên được xác định trong các đề án vị trí việc làm hằng năm, trong khung năng lực của giảng viên; có chính sách, quy định và kinh phí hỗ trợ giảng viên tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng giảng viên với nhiều nội dung phong phú; có chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2020 và 2021-2025, quy hoạch cán bộ cho các phòng chức năng, kế hoạch tổ chức nhân sự hằng năm, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, dân chủ, công bằng, đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất để thu hút nhân sự; có quy định tuyển dụng nhân sự, bổ nhiệm, thôi giữ chức vụ nêu rõ tiêu chuẩn đối với vị trí việc làm; có quy chế quản trị nguồn nhân lực; có Bản mô tả công việc, đề án vị trí việc

làm với các tiêu chí cụ thể cho từng vị trí. Hoạt động đánh giá, xếp loại đội ngũ nhân viên của Trường được thực hiện theo đúng các quy định; có các đơn vị chuyên môn phối hợp với giáo vụ Khoa, đội ngũ cố vấn học tập thực hiện giám sát sự tiến bộ trong học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập và rèn luyện của người học, định kì tổ chức các hoạt động ngoại khóa, rèn luyện kỹ năng, ngày hội giới thiệu việc làm...; có quy định về công tác cố vấn học tập để quản lí, theo dõi sinh viên nghỉ học dài ngày, cảnh báo kết quả học tập, phản hồi các câu hỏi của người học và phân quyền cho các đơn vị có liên quan thực hiện; môi trường cảnh quan thuận lợi và đầy đủ cơ sở vật chất hỗ trợ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học; có ban hành nội quy học đường, chuẩn mực văn hoá nhằm đảm bảo công tác an toàn, an ninh, phòng cháy chữa cháy và chăm sóc sức khỏe cho người học; có hệ thống thu thập ý kiến các bên liên quan với các bước và biểu mẫu khảo sát giúp thu thập đầy đủ các dữ liệu cần thiết, khoa học và tin cậy làm căn cứ để rà soát, cập nhật chương trình dạy học; có đơn vị chịu trách nhiệm giám sát kết quả học tập của sinh viên, thống kê cập nhật, số lượng sinh viên bị cảnh báo học vụ, thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, tốt nghiệp trước hạn và tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành Kế toán; tỉ lệ sinh viên sau tốt nghiệp có việc làm cao; có thu thập, xử lí dữ liệu và lập báo cáo khảo sát làm cơ sở để lập kế hoạch cải tiến cho năm học tiếp theo; tỉ lệ đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan có xu hướng tăng dần qua các năm.

Tuy nhiên, để CTĐT tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng hơn nữa, Hội đồng kiến nghị Nhà trường quan tâm các lĩnh vực theo 11 nhóm giải pháp cụ thể sau đây:

(i) Nhà trường cần thể hiện sự đột phá của CTĐT ngành Kế toán trong bối cảnh hội nhập, cách mạng công nghiệp 4.0, thời kì chuyển đổi số; làm rõ nội dung, nội hàm và thang đo của chuẩn đầu ra, trong đó có các mức độ đạt ở mức phân tích, đánh giá; chuẩn đầu ra cần thể hiện rõ yêu cầu về khả năng tự học và học tập suốt đời; các hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, cần đảm bảo quy mô đủ lớn; chú trọng khảo sát ý kiến các chuyên gia trong lĩnh vực Kế toán, Hiệp hội Kế toán; kết quả công khai chuẩn đầu ra đến các bên liên quan.

(ii) Thể hiện rõ hơn mục tiêu thúc đẩy sinh viên phát triển toàn diện kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm trong xu thế toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế và chuyển đổi số của CTĐT; chú trọng khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt của Hiệp hội Kế toán và nhà tuyển dụng; lựa chọn đối sánh với CTĐT ngành Kế toán ở một số trường đại học phù hợp, tương thích với định hướng đào tạo; chú trọng và linh hoạt trong các hình thức phổ biến các thông tin về CTĐT, bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần nhằm tăng tính hiệu quả, đúng đối tượng.

(iii) Tiếp tục rà soát chương trình dạy học, chú ý tính phù hợp, logic của tổ hợp các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học; chương trình dạy học phải được thiết kế và điều chỉnh dựa trên sự điều chỉnh về chuẩn đầu ra kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; bổ sung và xác định rõ điều kiện tiên quyết, học phần học trước nhằm đảm bảo các học phần bố trí trong chương trình dạy học

là hợp lí, logic, đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành; cân nhắc điều chỉnh giảm thời lượng dạy học lí thuyết, tăng thời lượng thực hành, thảo luận, làm đồ án/đề tài, tăng thời lượng thực hành/thực tế.

(iv) Tăng cường sự giám sát việc chuyển tải triết lí, mục tiêu giáo dục để vận dụng vào dạy, học đảm bảo hiện tính hiện đại, cập nhật, bám sát thị trường nhân lực ngành Kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; ban hành mẫu đề cương chi tiết thống nhất, trong đó bao gồm nội dung mô tả rõ việc sử dụng phương pháp dạy học phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kĩ năng thiết yếu, kĩ năng mềm; rà soát tỉ lệ phân bổ số tiết lí thuyết, tiết thực hành, bài tập nhóm, bài thảo luận, thực tập thực tế, hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên; ban hành các quy trình kiểm tra, giám sát sự tuân thủ của giảng viên theo đúng thiết kế của chương trình dạy học.

(v) Xây dựng quy trình/hướng dẫn cách thức đo lường, đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần và của CTĐT; bổ sung thêm các thang đánh giá rubric riêng dành cho các học phần chuyên ngành; cập nhật thông tin cụ thể hơn về hoạt động kiểm tra đánh giá và phản hồi kết quả học tập của người học; xây dựng hướng dẫn cho hoạt động phân tích, đánh giá đề thi, bài thi để đảm bảo sự thống nhất trong việc thiết kế các đề thi của từng học phần, đánh giá độ chênh lệch giữa điểm quá trình và cuối kì và mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra; thực hiện đánh giá kết quả của từng học phần so với mức độ đóng góp, phân nhiệm với chuẩn đầu ra của CTĐT, đảm bảo tính kết nối và tích lũy kiến thức, kĩ năng cho người học theo tiến trình; hoàn thiện việc xây dựng ngân hàng câu hỏi cho thi giữa kì và thi kết thúc học phần; ban hành các chế tài cụ thể về việc chậm, muộn trả kết quả đánh giá chuyên cần, thi giữa kì và thi kết thúc học phần; nâng cao nhận thức của người học, giảng viên về quy trình khiếu nại kết quả học tập.

(vi) Xây dựng chiến lược phát triển dài hạn cho CTĐT ngành Kế toán, đối sánh với chỉ tiêu theo kế hoạch, theo dõi sự phát triển của cá nhân giảng viên, thúc đẩy giảng viên trẻ học nghiên cứu sinh; làm rõ năng lực phục vụ cộng đồng, năng lực công bố quốc tế của giảng viên, rà soát các tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng giảng viên; tăng cường kinh phí bồi dưỡng, giám sát tính nhất quán giữa bảng đăng kí nhiệm vụ dự kiến, kế hoạch thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ đối sánh với chỉ tiêu đăng kí; tăng số lượng và loại hình nghiên cứu khoa học.

(vii) Lập kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cụ thể đối với từng vị trí việc làm tại các đơn vị chức năng, các tiêu chí cho các vị trí việc làm, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm cần được rà soát, cải tiến định kì qua khảo sát, phân tích ý kiến các bên liên quan; tăng nguồn kinh phí hỗ trợ nhân viên trong đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; ban hành văn bản quy định về đánh giá, xếp loại nhân viên và xây dựng bộ công cụ đánh giá kết quả thực hiện của đội ngũ nhân viên, đồng thời có chế độ, chính sách đủ mạnh gắn với kết quả đánh giá, xếp loại nhân viên hàng tháng.

(viii) Cải tiến hoạt động thu thập lấy ý kiến các bên liên quan về chính sách tuyển sinh, đề án tuyển sinh để đảm bảo thu thập đúng và đủ số lượng, xử lí kết quả đảm bảo độ

tin cậy; khai thác thêm kênh thông tin dữ liệu liên quan đến dự báo nguồn nhân lực lĩnh vực ngành nghề, yêu cầu của thị trường lao động, cựu người học và nhà tuyển dụng để xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp với lĩnh vực ngành nghề; rà soát, cập nhật các tiêu chí đánh giá điểm rèn luyện đối với các trường hợp đặc biệt/thành tích đặc biệt để khuyến khích người học tham gia các hoạt động.

(ix) Bố trí phòng làm việc riêng cho trưởng bộ môn và giảng viên cao cấp; trang bị phòng thực hành nghề nghiệp; cập nhật tài liệu học tập thường xuyên hơn; hoàn thiện phần mềm hỗ trợ và quản lý giảng dạy trực tuyến; tăng cường hiệu quả sử dụng các phòng thực hành để sản xuất học liệu.

(x) Nâng cao hiệu quả việc thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan, đặc biệt là nhà tuyển dụng, chuyên gia trong phát triển chương trình dạy học ngành Kế toán; ban hành văn bản thống nhất quy định việc lựa chọn, rà soát, đánh giá phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra, đánh giá tương thích chuẩn đầu ra làm căn cứ để hướng dẫn các đơn vị và giảng viên thực hiện; thường xuyên đánh giá và cải tiến hệ thống câu hỏi phù hợp với đối tượng và mục tiêu khảo sát để làm căn cứ cải tiến chất lượng; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khảo sát các bên liên quan.

(xi) Tìm giải pháp giảm số sinh viên thôi học và tăng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn; đổi mới phương pháp dạy học và hướng dẫn cho sinh viên phương pháp học tập chủ động, hiệu quả; khảo sát sự hài lòng của nhà tuyển dụng về chất lượng của sinh viên tốt nghiệp; cải tiến bộ câu hỏi khảo sát nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về chất lượng người học sau tốt nghiệp để có được thông tin hữu ích hơn; khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học và giảng viên tham gia hướng dẫn sinh viên thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học; định kỳ tổng kết đánh giá tính hiệu quả, độ tin cậy của công cụ và phương thức khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

* * *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng các lĩnh vực hoạt động.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 3/2025), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh.
